

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI
Số: 3115 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Gia Lai, ngày 19 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án khai thác mỏ cát xây dựng tại xã Ia Rsai và xã Uar, tỉnh Gia Lai của
Công ty TNHH Khánh Thành Phát Gia Lai.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét Văn bản số 2992/SNNMT-CCBVM ngày 26/9/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) Dự án khai thác mỏ cát xây dựng tại xã Ia Rsai và xã Uar, tỉnh Gia Lai của Công ty TNHH Khánh Thành Phát Gia Lai;

Xét nội dung Báo cáo ĐTM Dự án khai thác mỏ cát xây dựng tại xã Ia Rsai và xã Uar, tỉnh Gia Lai đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 50/GL-KTP ngày 04/12/2025 của Công ty TNHH Khánh Thành Phát Gia Lai;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 735/TTr-SNNMT ngày 12 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án khai thác mỏ cát xây dựng (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Khánh Thành Phát Gia Lai (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Ia Rsai và

xã Uar, tỉnh Gia Lai với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo Phụ lục đính kèm Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./. 

Nơi nhận:

- Bộ NN&MT (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở NN&MT;
- Chủ dự án;
- Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh;
- UBND các xã: Ia Rsai và Uar;
- CVP, PCVP NN;
- Lưu: VT, N1. 



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
KHAI THÁC MỎ CÁT XÂY DỰNG TẠI XÃ IA RSẠI VÀ XÃ UAR, TỈNH
GIA LAI CỦA CÔNG TY TNHH KHÁNH THÀNH PHÁT GIA LAI.

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của UBND tỉnh Gia Lai)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khai thác mỏ cát xây dựng tại xã Ia Rsai, tỉnh Gia Lai (diện tích 10,0 ha);

- Địa điểm thực hiện: tại xã Ia Rsai và xã Uar, tỉnh Gia Lai;

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Khánh Thành Phát Gia Lai;

- Địa chỉ liên hệ: 81 Hai Bà Trưng, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai;

- Điện thoại: 098566683.

- Dự án đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 495/QĐ-UBND, cấp lần đầu ngày 28/06/2025 và công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản cát xây dựng tại mỏ cát xây dựng xã Chư Gu, huyện Krông pa cũ.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Tổng diện tích Dự án: 112.300 m², trong đó:

+ Khu vực thiết kế khai thác thuộc xã Ia Rsai có diện tích là 100.000 m².

+ Mặt bằng sân công nghiệp bờ phải mỏ thuộc xã Uar: 10.180 m²

+ Khu vực bãi tập kết cát bờ trái mỏ thuộc xã Ia Rsai: 2.120 m².

- Tổng trữ lượng đưa vào thiết kế khai thác: 560.000 m³ cát địa chất, tổng thời gian khai thác 10 năm, cụ thể công suất khai thác như sau:

+ Năm thứ nhất và năm thứ 10 (năm cuối): 40.000 m³ cát địa chất/năm.

+ Năm thứ 2 đến năm thứ 9: 60.000 m³ cát địa chất/năm.

- Thời gian khai thác trong năm là 270 ngày (khai thác vào mùa khô, từ ngày 01/11 đến ngày 31/7 năm sau). Thời gian làm việc trong ngày: 08 giờ/ngày (từ 07 giờ đến 11 giờ và từ 13 giờ đến 17 giờ).

1.3. Công nghệ khai thác:

- Hệ thống, trình tự khai thác: Toàn bộ diện tích dự án được chia thành 10 khoảnh khai thác để thực hiện khai thác trong 10 năm. Thực hiện khai thác theo hướng ngang sông từng luồng di chuyển từ thượng lưu xuống hạ lưu mỏ; thực hiện khai thác theo kiểu cuốn chiếu ngang 1 bờ công tác; tuyến công tác đầu tiên được tính từ khu vực gần điểm góc số 3 và 4 phát triển dần đến cuối mỏ, đi tới

đầu hết khoáng sản trong luồng khai thác tới đó cho đến khi hết toàn bộ khoáng sản trong biên giới khai trường.

- Phương pháp khai thác: lộ thiên; sử dụng 02 thiết bị máy máy đào khấu trực tiếp ở bãi bồi cao không ngập nước, kết hợp sử dụng 01 thiết bị “Bè gắn thiết bị bơm hút cát” để khai thác thân cát nằm dưới nước. Công nghệ khai thác bằng thiết bị bơm hút cát như sau: Bãi bồi thấp ngập nước → Bè gắn thiết bị bơm hút cát → ống đẩy cát → bãi tập kết → cát rút nước → xúc bốc, vận chuyển.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư:

- Đường vận chuyển chính, gồm 02 tuyến:

+ Tuyến đường từ mặt bằng sân công nghiệp mỏ đến đường Trường Sơn Đông: dài 650m; trong đó mở mới 200m và cải tạo, nâng cấp tuyến đường hiện trạng dài 450m.

+ Mở mới tuyến đường là từ mỏ cát đến Quốc lộ 25 (dài 750 m, rộng 7m).

- Khu vực mặt bằng sân công nghiệp mỏ có diện tích khoảng 10.180 m², bên trong bố trí các hạng mục công trình phụ trợ và bãi tập kết cát (sử dụng phương pháp bơm hút), kết cấu bãi tập kết có hệ thống thu gom, hồ lắng thu gom nước rỉ cát.

- Khu vực bãi tập kết cát bờ trái mỏ có diện tích khoảng 2.120 m², bên trong bố trí các hạng mục công trình phụ trợ và bãi tập kết cát (sử dụng phương pháp đào).

Chủ dự án phải thực hiện đảm bảo các thủ tục pháp lý về đất đai đối với diện tích mặt bằng sân công nghiệp, bãi tập kết cát bờ trái mỏ, tuyến đường mới.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Không

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Hoạt động khai thác (đào hoặc hút cát bằng các thiết bị cơ giới: máy xúc, thiết bị bơm, hút);

- Hoạt động vận chuyển nội bộ từ mỏ đến khu vực bãi lưu chứa;

- Hoạt động vận chuyển thành phẩm đi tiêu thụ;

- Hoạt động của cán bộ, nhân công sản xuất..

Các hoạt động này sẽ nguy cơ mất ổn định địa chất bờ sông, dẫn đến sạt lở; gây xáo trộn dòng chảy tự nhiên của sông, ảnh hưởng đến sinh cảnh thủy sinh; làm hư hại hạ tầng giao thông địa phương. Quá trình hoạt động sẽ phát sinh bụi, khí thải, độ ồn, chất thải rắn, chất thải nguy hại, nước thải sinh hoạt, nước rỉ cát làm tác động dài hạn đến chất lượng môi trường nước, đất, hệ động vật, các rủi ro, sự cố trong quá trình sản xuất.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn hoạt động của Dự án

3.1. Nước thải, khí thải

- Nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt khoảng 1,1 m³/ngày, có thông số ô nhiễm đặc trưng là chất lơ lửng (SS), chất hữu cơ (BOD₅), các chất dinh dưỡng (N, P) và coliform;

+ Nước rỉ cát phát sinh từ bãi tập kết cát sử dụng phương pháp bơm hút: 101 m³/ngày (phát sinh trong những ngày nắng và mưa nhỏ khi có hoạt động khai thác)

- Khí thải, bụi: phát sinh từ quá trình khai thác và vận chuyển cát đi tiêu thụ.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,...) phát sinh khoảng 8,8 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy; gây mùi hôi và ruồi, nhặng;

- Chất thải nguy hại: giẻ lau nhiễm dầu thải (Mã chất thải: 18 02 01) khoảng 10,0 kg/năm; Bóng đèn huỳnh quang (Mã chất thải: 16 01 06) khoảng 1,0 kg/năm; Dầu nhớt thải (17 06 01) khoảng 107 kg/năm.

3.4. Tiếng ồn, độ rung: phát sinh trong quá trình khai thác, vận chuyển cát đến nơi tiêu thụ.

3.5. Các tác động khác không liên quan đến chất thải: hoạt động khai thác cát có nguy cơ gây sạt lở 02 bên bờ, hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển, mất an toàn giao thông,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Xử lý nước thải sinh hoạt: sử dụng nhà vệ sinh di động đặt tại khu vực phụ trợ. Định kỳ hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom và xử lý;

4.1.2. Xử lý nước rỉ cát tại bãi tập kết cát sử dụng bơm hút:

- Quy trình thu gom: Bố trí hệ thống mương đào hở xung quanh bãi tập kết để thu gom nước rỉ từ bãi tập kết cát, kích thước (Dài 422m, mặt mương 1,4 m, đáy mương 1,2m, chiều sâu trung bình 0,75m) để dẫn nước về hồ lắng.

- Hồ lắng: dung tích 558m³ (B x L x H = 6m x 30m x 3,1m). Kết cấu hồ lắng là hồ đào, xung quanh có bờ bao bằng đất đầm chặt kết hợp với đá dăm, rọ đá để gia cố đảm bảo.

- Quy trình thu gom, xử lý: Nước rỉ cát từ bãi tập kết → mương thu gom xung quanh bãi tập kết → hồ lắng → khe rãnh hiện trạng, sau đó dẫn về sông Ba.

Nước mưa chảy tràn sau khi qua các hồ lắng đạt cột B, QCVN 40:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công

nghiệp.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

- Đối với các phương tiện vận chuyển cát: vận chuyển cát đúng tải trọng cho phép trên các tuyến đường; phủ bạt kín trong quá trình vận chuyển không để rơi vãi ra đường;

- Trên tuyến đường vận chuyển từ mặt bằng sân công nghiệp đến đường Trường Sơn Đông: Bổ trí phun nước tưới 02 lần/ngày vào những ngày khô hanh trong suốt quá trình vận hành dự án và tăng cường vào mùa nắng.

- Khu vực mặt bằng sân công nghiệp và bãi tập kết bờ trái mỏ: Trồng cây xanh để hạn chế cát bay ra ngoài, ảnh hưởng đến đất canh tác và sinh hoạt của người dân.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường: Bố trí các thùng đựng rác sinh hoạt 220L đặt trong khu vực mặt bằng sân công nghiệp, bãi tập kết cát bờ trái mỏ; tất cả đều có nắp đậy và được dán nhãn chất thải sinh hoạt. Chủ đầu tư ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại: xây dựng kho chứa có diện tích 09 m², nền bê tông xi măng, khung sắt, thùng tôn, mái lợp tôn. Trong kho bố trí các thùng phuy loại 220 lít, có nắp đậy gắn nhãn mác theo quy định. Định kỳ chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung: Định kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị phục vụ khai thác và trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường:

a) Thực hiện việc cải tạo, phục hồi môi trường hàng năm với các nội dung sau:

TT	Hạng mục công việc	ĐVT	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
1	Gia cố bờ sông (dự phòng)	m	200	Giảm thiểu nguy cơ sạt lở bờ	
2	Cắm biển biển báo nguy hiểm	Biển	11	Đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác	Trước khi tiến hành khai thác
3	Di chuyển máy móc, thiết bị ra khỏi khu vực khai thác (02 Máy đào và 01 thiết bị bơm, hút.)	Chiếc	3,0	Đảm bảo lưu thông dòng chảy	Thực hiện và hoàn thành trước ngày 31/7 hàng năm.
4	San gạt đáy mỏ với khối	m ³	3.405	Đảm bảo địa	Hoàn thành phần

TT	Hạng mục công việc	ĐVT	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
	lượng bằng 5% công suất khai thác			hình kết thúc sau khai thác thoải trong bờ ra lòng sông, không tạo hố sâu cục bộ so với mặt bằng xung quanh	diện tích đã khai thác trước ngày 31/7 hàng năm
5	Mặt bằng sân công nghiệp mỏ và Bãi tập kết bờ trái mỏ				
-	Di chuyển thiết bị xúc bốc	Máy	2,0	Trả lại hiện trạng ban đầu	Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác
-	Tháo dỡ nhà khung thép, mái tôn, vách tôn, 161 m ²	Tấn	2,898		
-	Phá dỡ nền nhà, 161 m ²	m ³	1,61		
-	San lấp mương thoát nước	m ³	255		
-	San lấp hồ lắng	m ³	558		
-	Phá dỡ bệ móng 02 trạm cân	m ³	54		
-	San gạt mặt bằng	m ³	2.460		
-	Trồng cây xanh tại khu vực mặt bằng sân công nghiệp và bãi tập kết bờ trái mỏ (Chọn cây keo lai, mật độ trồng 1.600 cây/ha)	ha	0,25	Phủ xanh khu vực, giảm thiểu bụi	Trước khi tiến hành khai thác
6	Cải tạo môi trường xung quanh				
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông ngoài mỏ tính từ mỏ cát ra QL25 và từ mặt bằng sân công nghiệp ra tuyến đường Trường Sơn Đông	m ³	588	Đảm bảo an toàn trong công tác vận chuyển, lưu thông	Trong 10 ngày kể từ ngày 01/11 hàng năm (giai đoạn khai thác).
-	San gạt đất đối với tuyến đường mở mới, trả lại hiện trạng cho người dân, khối lượng như sau: + Tuyến đường từ bãi tập kết cát bờ trái mỏ ra Quốc lộ 25 (dài 750 m); + Tuyến đường mở mới (200m) thuộc tuyến đường từ sân công nghiệp ra đường Trường Sơn Đông;	m ³	1.995	Trả lại hiện trạng ban đầu	Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác
-	Cải tạo, nâng cấp đoạn đường hiện trạng từ mặt bằng SCN mỏ ra đường Trường Sơn Đông (450m), bàn giao lại cho địa phương	m ³	630	Trả lại hiện trạng ban đầu	Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác
7	Đo vẽ bản đồ địa hình khu vực khai thác và mặt cắt ngang	ha	26	Giám sát chiều sâu khai thác;	Sau khi kết thúc khai thác hàng

TT	Hạng mục công việc	ĐVT	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
	sông (gồm 10 ha khu vực khai thác và 16ha xung quanh phạm vi dự án)			theo dõi, đánh giá sạt lở bờ sông hàng năm	năm và kết thúc khai thác

b) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường **961.860.000** đồng (Chín trăm sáu mươi một triệu, tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

- Số lần ký quỹ: 10 lần, thực hiện ký quỹ như sau:

+ Lần 1, số tiền: 192.372.000 đồng; thời điểm ký quỹ: trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mở.

+ Lần 2 đến lần 10, số tiền mỗi lần: 85.498.667 đồng (làm tròn: 85.499.000 đồng); thời điểm ký quỹ: trước ngày 31 tháng 01 hàng năm.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Gia Lai, 387 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai.

- Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2025.

Trường hợp chủ dự án không nộp hoặc nộp chậm tiền ký quỹ theo thời hạn nêu trên thì sẽ bị xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

4.4.2. Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học: không thực hiện

4.4.3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Sau khi kết thúc khai thác hàng năm, thực di chuyển thiết bị khai thác; tháo dỡ đường nội bộ đảm bảo thông thoáng dòng chảy. Hàng năm, tiến hành khảo sát, đo đạc địa hình trong phạm vi dự án và 02 bên bờ sông để giám sát độ sâu khai thác, đánh giá các vị trí xung yếu 02 bên bờ có nguy cơ sạt lở để thực hiện gia cố kịp thời, giảm nguy cơ sạt lở 02 bên bờ.

- Thực hiện khai thác đúng quy trình, độ sâu cho phép; tạo góc nghiêng bờ mỏ tại những vị trí có cao độ kết thúc chênh lệch lớn so với mặt bằng bên ngoài nhằm giảm thiểu sạt lở.

- Trong quá trình khai thác, nếu có xảy ra hiện tượng sạt lở hai bên bờ, ảnh hưởng đến diện tích hoa màu của người dân, chủ dự án phải phối hợp với chính quyền địa phương để có biện pháp khắc phục sự cố và đền bù thiệt hại (nếu có).

4.4.4. Các công trình, biện pháp khác: không có.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

5.1. Giám sát nước thải

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại mương thoát nước sau hồ lắng tại bãi tập kết cát sân công nghiệp.

- Thông số giám sát: pH, TSS, dầu mỡ khoáng, Coliform.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B.

5.2. Giám sát việc thu gom chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại: lượng phát sinh, loại phát sinh, tần suất thu gom và chuyển giao cho đơn vị xử lý.

5.3. Các giám sát khác:

- Giám sát sạt lở bờ sông:
 - + Nội dung giám sát: lập sổ theo dõi diễn biến bờ sông, ghi chép khi có hiện tượng sạt lở: thời điểm sạt lở, vị trí sạt lở (bờ trái, bờ phải; khu vực khai thác, thượng lưu khu vực khai thác, hạ lưu khu vực khai thác), chiều dài đoạn bờ sông bị sạt lở;
 - + Vị trí: hai bên bờ sông khu vực mỏ, thượng lưu khu vực khai thác 200m, hạ lưu khu vực khai thác 200m;
 - + Tần suất giám sát: hàng ngày.
 - + Giám sát đột xuất: Khi có xảy ra ô nhiễm hoặc có khiếu nại của người dân và chính quyền địa phương.
- Giám sát sự cố môi trường khác:
 - + Nội dung giám sát: xói mòn, trượt lở, bồi lắng;
 - + Vị trí: toàn bộ khu vực mỏ;
 - + Tần suất giám sát: thường xuyên.
- Giám sát giao thông:
 - + Nội dung giám sát: lập sổ theo dõi về vận tốc di chuyển, tải trọng, tuyến đường vận chuyển, mật độ xe vận chuyển của dự án tham gia giao thông,...;
 - + Vị trí: tuyến đường vận chuyển chính của dự án (theo sơ đồ đính kèm tại phần phụ lục);
 - + Tần suất giám sát: hàng ngày.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: không